

|            |             |         |         |
|------------|-------------|---------|---------|
| Ngày       | 156,000 VNĐ |         |         |
| 31/03/2024 |             |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng     | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 10.0%       | 51.3%   | 75.3%   |

|                       |                  |
|-----------------------|------------------|
| Sàn giao dịch         | HSX              |
| Khoảng giá 52 tuần    | 52,639 - 158,000 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 18,482           |
| Số lượng CPLH (CP)    | 118,472,535      |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 951,720          |
| Sở hữu nước ngoài     | 36.2%            |
| Beta                  | 0.66             |
| EPS                   | -2,547           |
| P/E                   | -61.2            |

DT thuần

Q1/24

9,042

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 352| 4.0%

YoY: ▲ 1,289| 16.6%

LN trước thuế

Q1/24

88.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 186| 191%

YoY: ▲ 86.6| 4187%

LN sau thuế

Q1/24

60.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 164| 159%

YoY: ▲ 58.6| 2832%

ROA

2023

-2.9%

+/- YoY: ▼ 6.6%

DT thuần

2023

31,850

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,684| 5.6%

LN trước thuế

2023

-294

tỷ VNĐ

YoY: ▼780| -161%

LN sau thuế

2023

-329

tỷ VNĐ

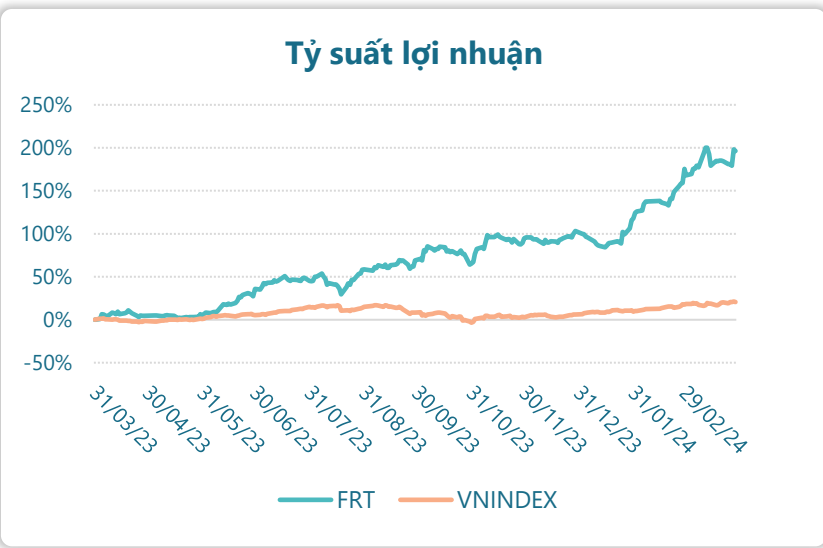
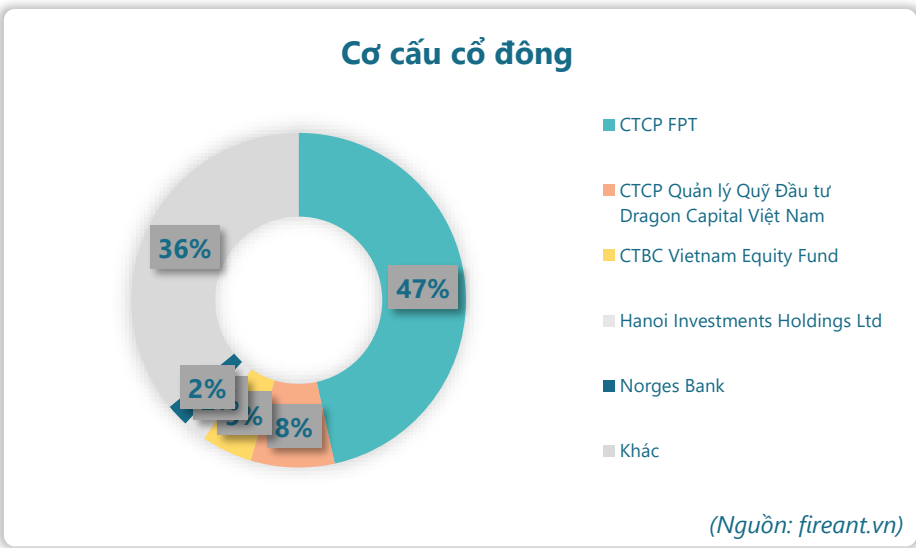
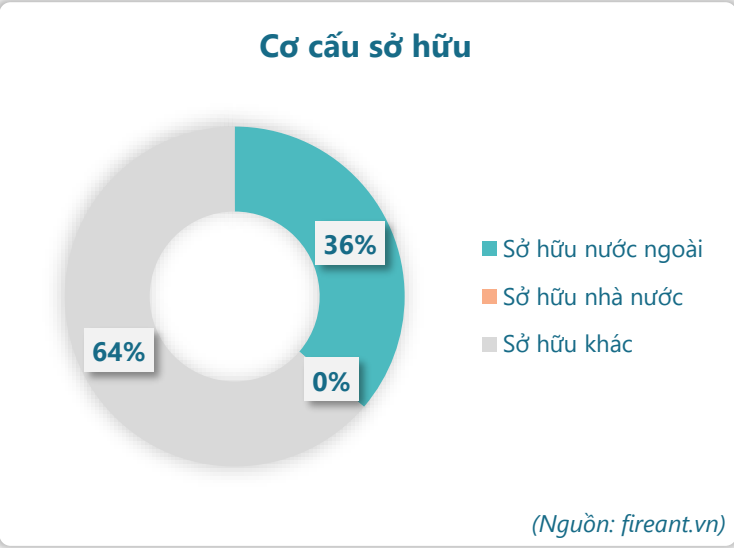
YoY: ▼727| -183%

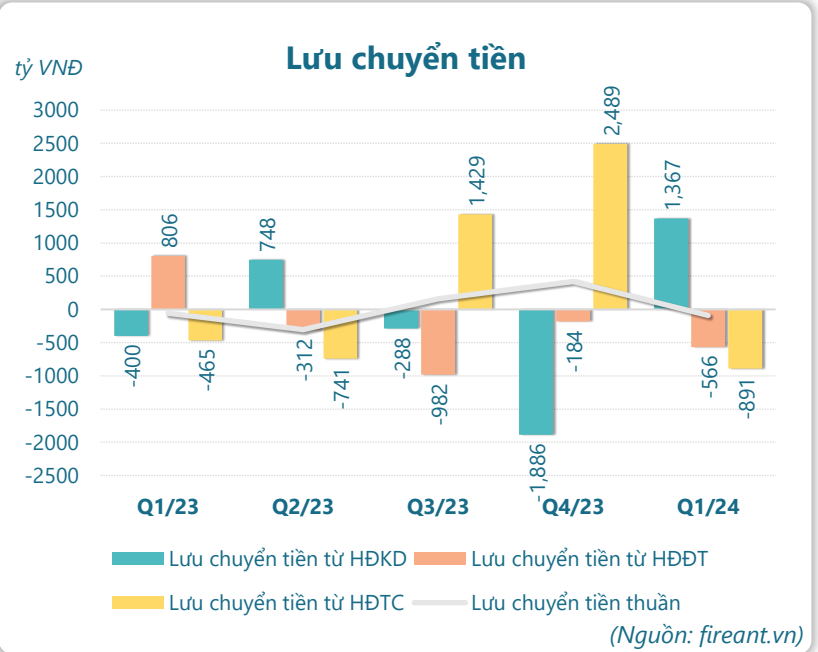
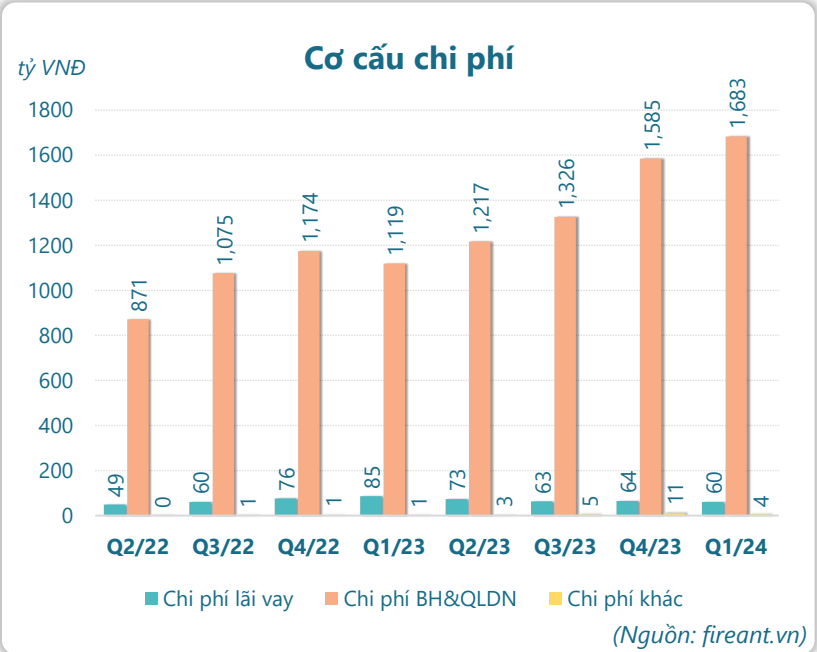
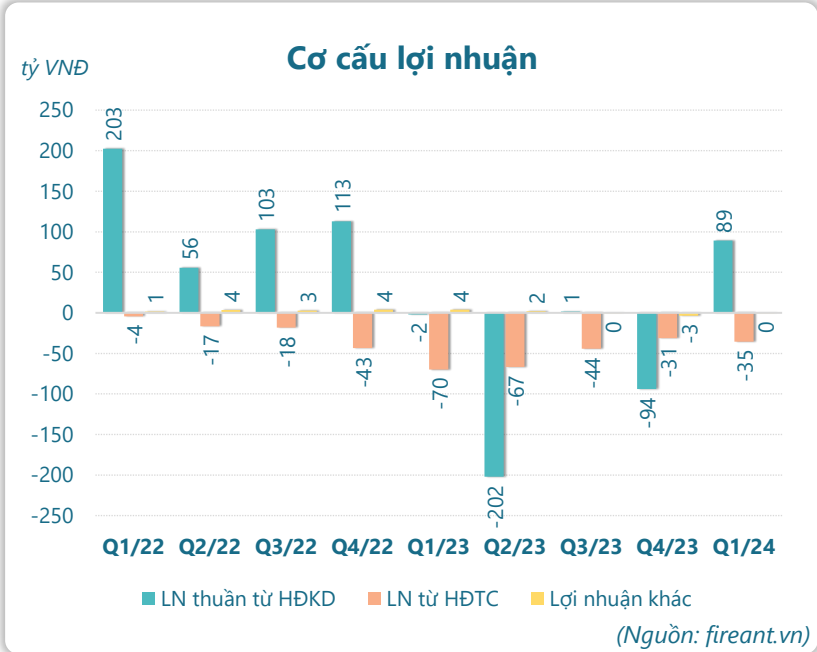
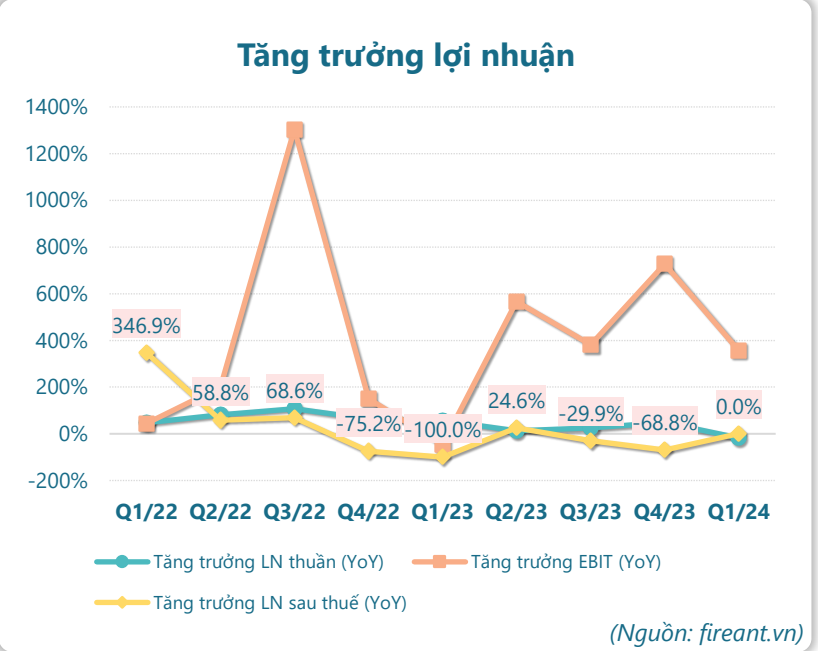
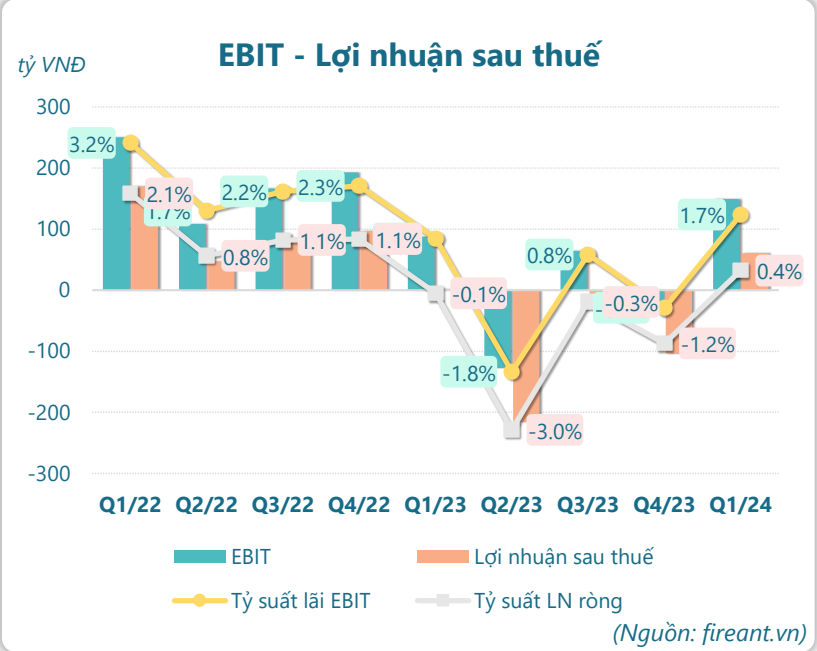
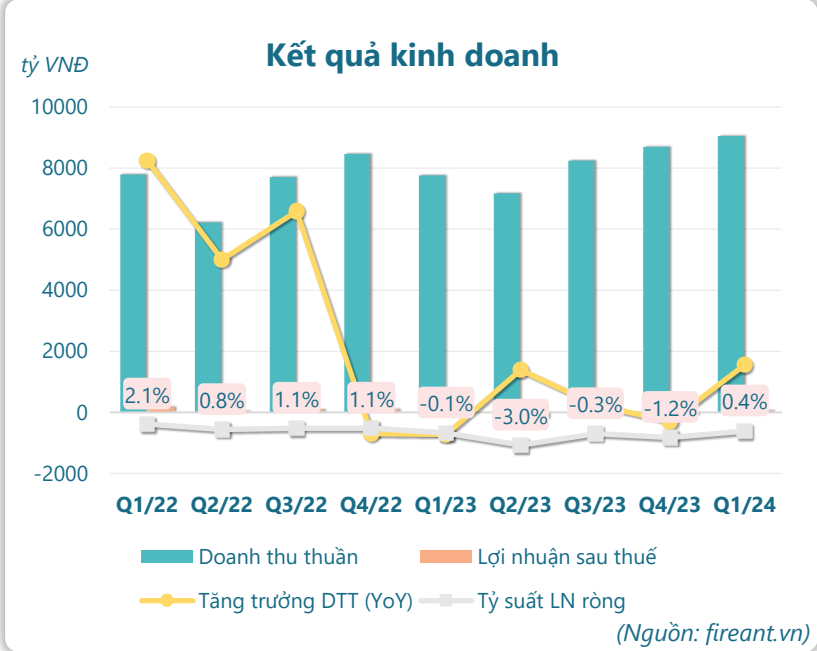
ROE

2023

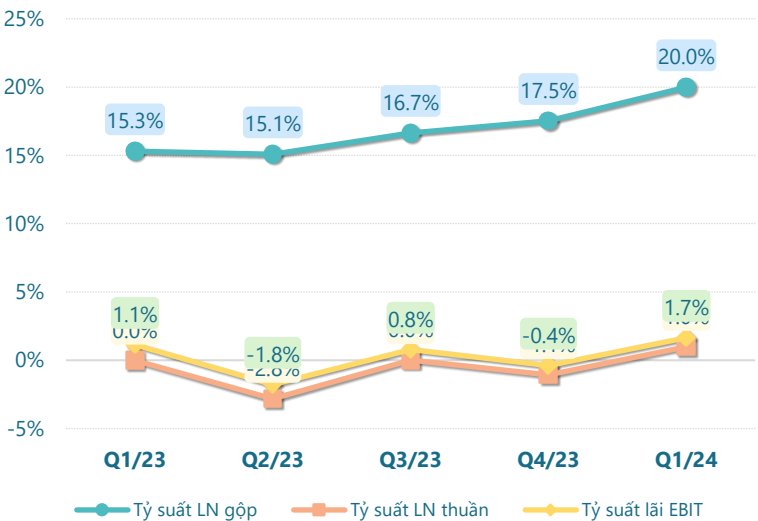
-18.3%

+/- YoY: ▼ 39.3%



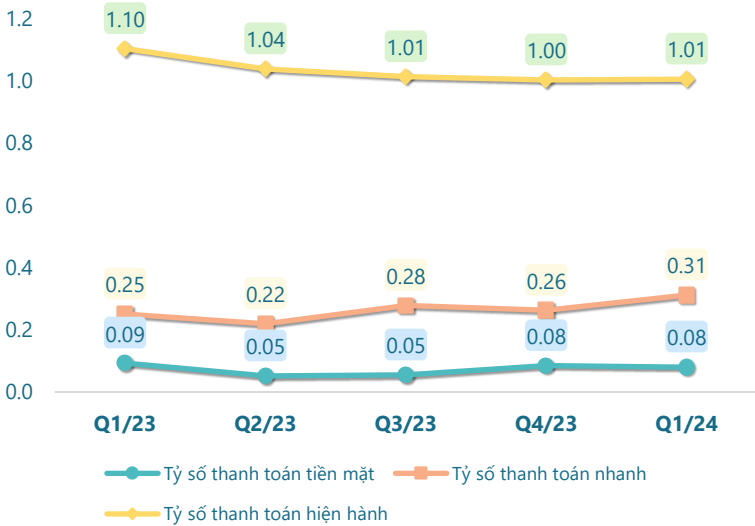


Tỷ suất lợi nhuận



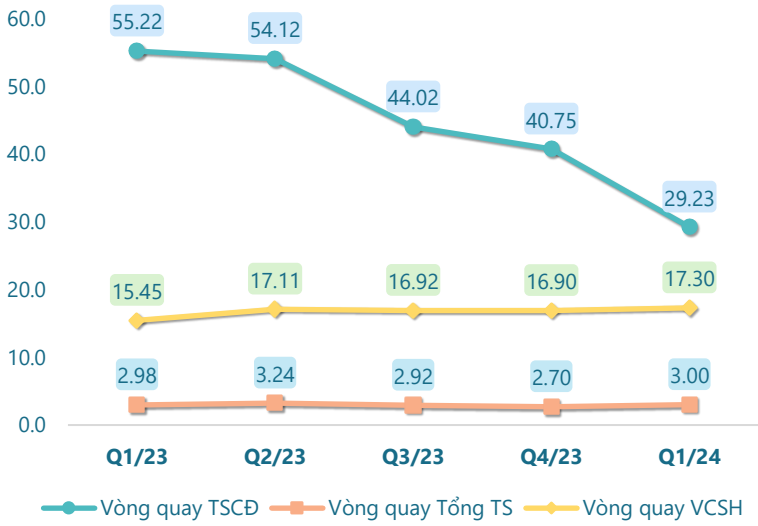
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



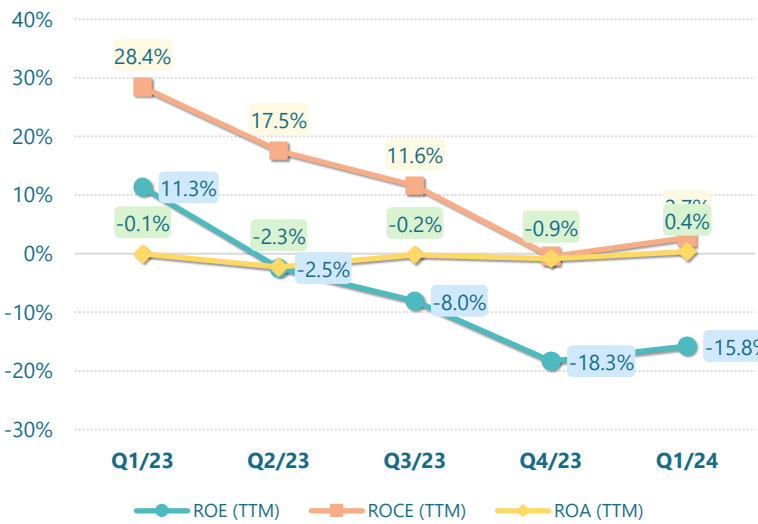
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



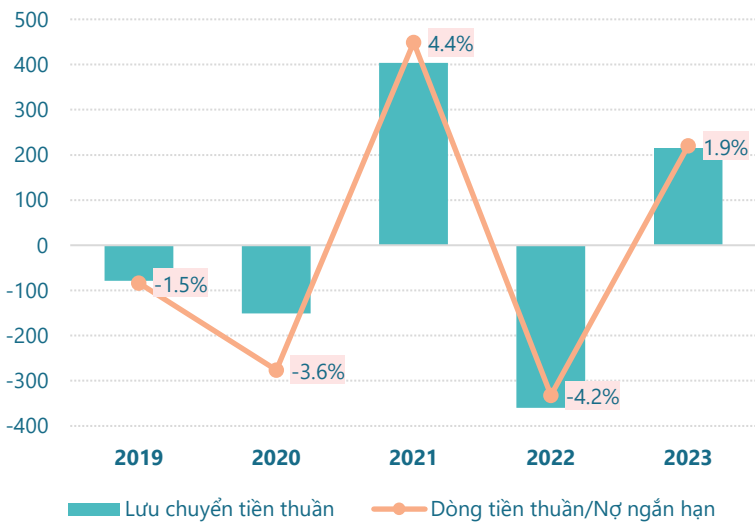
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



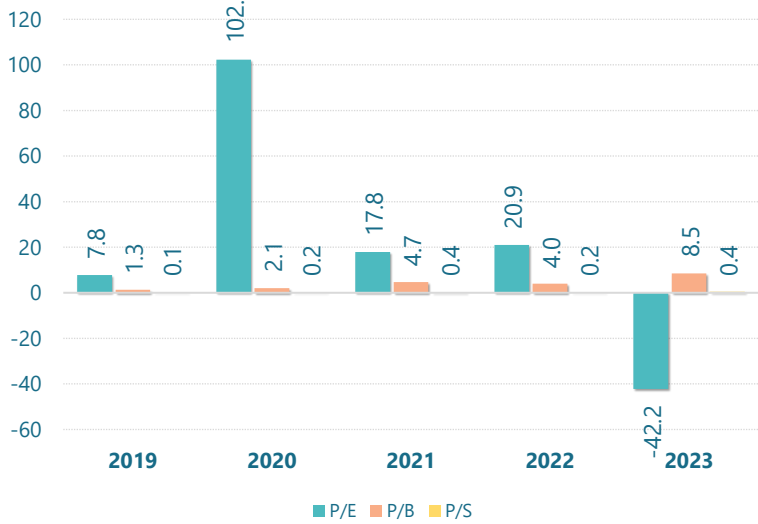
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)